

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST

Ngày 07-7-2021

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tảo;
2. Bà Trần Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1969;

Cư trú tại: Tổ 5, ấp Đ, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Văn Â, sinh năm 1962;

Cư trú tại: Tổ 5, ấp Đ, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 5 năm 2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Bà và ông Lê Văn Â tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 1992 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bà và ông Â không tin tưởng nhau trong chuyện tình cảm vợ chồng, bà và ông Â thường xuyên cự cãi với nhau. Bà

T đã sống ly thân với ông A từ năm 2016 cho đến nay. Bà T yêu cầu được ly hôn ông A.

Về con chung: Bà và ông A có một con chung tên Lê Thị Huỳnh Tr, sinh năm 1994, hiện nay cháu Tr đã thành niên tự lao động nuôi sống được bản thân. Nay ly hôn bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị T không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 11 tháng 6 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn A trình bày:

Ông A thống nhất lời trình bày của bà Trần Thị T về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Ông A đồng ý ly hôn với bà Trần Thị T. Ông A không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung.

* Tại phiên toà sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Trần Thị T, bị đơn ông Lê Văn A vắng mặt;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi vụ án thụ lý, quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị T và ông Lê Văn A là vợ chồng.

Về con chung: Bà Trần Thị T và ông Lê Văn A có một con chung tên Lê Thị Huỳnh Tr, sinh năm 1994, hiện nay cháu Tr đã thành niên tự lao động nuôi sống được bản thân, nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị T và ông Lê Văn A không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

+ Về kiến nghị khắc phục: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt đương sự: Bà Trần Thị T và ông Lê Văn A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông A.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Lê Văn Â chung sống như vợ chồng từ năm 1992 đến nay có đủ điều kiện thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nhưng bà T và ông Â không thực hiện là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay bà T yêu cầu ly hôn ông Â, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận bà T và ông Â là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Trần Thị T và ông Lê Văn Â thống nhất có một con chung tên Lê Thị Huỳnh Tr, sinh năm 1994, hiện nay cháu Tr đã thành niên tự lao động nuôi sống được bản thân, nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị T và ông Lê Văn Â không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, 15, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị T và ông Lê Văn Â là vợ chồng.

2. Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0005199 ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; bà Trần Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bà Trần Thị T và ông Lê Văn Â vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- PKTNV TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (L).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tuấn